

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 281/TTr-UBND

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chế độ
và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

VP. ĐOÀN ĐBQH & HĐND. T. BẮC NINH

ĐẾN Số: 14429
Ngày: 13/7/2026

Chuyên: TL Kỳ họp 6 HĐND tỉnh

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở tham mưu của Sở Tài chính tại Tờ trình số 327/TTr-STC ngày 29/6/2026 và Công văn số 5404/STC-HCSN ngày 13/7/2026, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết đề quy định:

"a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;"

- Điểm d, khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật: "Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật";

- Khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật";

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Bắc Ninh được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh. Ngày 14/7/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh (sau hợp nhất) đã ban hành Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND tỉnh về Áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính do HĐND tỉnh Bắc Giang và HĐND tỉnh Bắc Ninh (cũ) ban hành trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

theo đó, cho phép tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ban hành quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang tính nhiệm kỳ 2021 -2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh mới cho đến khi có văn bản mới thay thế (thời hạn đến ngày 01/3/2027) và bãi bỏ Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Ninh (cũ).

Ngày 06/10/2025 Bộ Tư pháp ban hành Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, theo đó yêu cầu các địa phương xử lý các văn bản bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/6/2026. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND khóa XVIII có hiệu lực áp dụng cho nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Vì vậy, để có cơ sở thực hiện đảm bảo điều kiện hoạt động HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh trong các nhiệm kỳ tiếp theo, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là cần thiết, đúng thẩm quyền và đảm bảo theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và căn cứ thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là cần thiết và đúng quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH , QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhằm tiếp tục góp phần duy trì hoạt động của HĐND cấp tỉnh và cấp xã đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm đúng trình tự thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Kế thừa các nội dung và mức chi của hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh (trước hợp nhất) rà soát, đề xuất phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sau khi báo cáo và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết, UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Dự thảo Nghị quyết đã được gửi các sở, ban ngành, UBND các xã, phường và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến. Đã có 47 cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến. Trong đó 40/47 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo Nghị quyết; 07/47 cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia. Sở Tài chính đã tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị và thực hiện truyền thông chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trên cổng thông tin điện tử.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 337/BC-STP ngày 27/6/2026; UBND tỉnh nhất trí thông qua tại Phiên họp thường kỳ tháng

6/2026; đã báo cáo và được Ban Thường vụ Đảng ủy UBND, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí tại cuộc họp ngày 08/7/2026; được Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra tại Báo cáo số 413/BC-HĐND ngày 10/7/2026; các ý kiến tham gia được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình HĐND tỉnh (Có bảng tổng hợp kèm theo).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là HĐND tỉnh), Hội đồng nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là HĐND cấp xã trên địa bàn tỉnh).

b) Đối tượng áp dụng

- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND các cấp; cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại cơ quan tham mưu giúp việc, phục vụ HĐND các cấp.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của HĐND các cấp.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh được xây dựng theo hình thức ban hành kèm theo quy định gồm 02 Chương và 04 Điều:

Chương I : Quy định chung

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh;

- Điều 2: Đối tượng áp dụng;

- Điều 3: Nguyên tắc chung;

Chương II: Quy định cụ thể

- Điều 4. Nội dung chi và mức chi cụ thể.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Quy định nội dung chi và mức chi cụ thể cho 8 nhóm nhiệm vụ:

(1) Chi phục vụ kỳ họp HĐND;

(2) Chi phục vụ các phiên họp của Thường trực HĐND; họp thẩm tra của các Ban HĐND; thẩm định của Đảng đoàn HĐND; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh; họp tham vấn ý kiến nhân dân;

(3) Chi hoạt động giám sát, khảo sát;

(4) Chi phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri;

(5) Chi công tác xây dựng và ban hành văn bản (chỉ áp dụng đối với các Nghị quyết hành chính);

(6) Một số chế độ hỗ trợ điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND;

(7) Chi hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh;

(8) Chi cho công tác xã hội.

- Cơ sở đề xuất chế độ và định mức chi:

Kế thừa các quy định về chế độ, nội dung và mức chi đã được ban hành tại 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang và Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh trước hợp nhất; căn cứ thực tế công việc đã triển khai trong giai đoạn vừa qua và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

(Chi tiết tại dự thảo Nghị quyết kèm theo)

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về nguồn lực thực hiện

- Về nhân lực thực hiện: Không làm phát sinh biên chế.
- Về nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí chi cho hoạt động của HĐND cấp tỉnh, trung bình là: 18.068 triệu đồng/năm (phát sinh tăng so với chế độ và mức chi cũ khoảng 7.000 triệu đồng/năm);
- Chi phí cho hoạt động của 01 HĐND cấp xã khoảng: 2.300 triệu đồng/năm x 99 xã phường = 227.700 triệu đồng

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện 01 năm khoảng: 245.768 triệu đồng.

(Kinh phí trên không bao gồm các nhu cầu kinh phí thực hiện theo quy định của Trung ương)

Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách địa phương đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi hằng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước (nhiệm vụ cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo).

2. Thời gian trình thông qua

Trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thường lệ tháng 7/2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo thẩm tra của Ban KTNS - HĐND tỉnh; (5) Các tài liệu liên quan).

Nơi nhận: (07 bản đồ)

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu dự họp HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh:
 - + CVP, PCVP Lê Ngọc Tú;
 - + TP KTTH, THĐT;
 - + Lưu: VT, KTTH_{Trung}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Tân Phụng

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5404 /STC-HCSN

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

V/v tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh tại buổi thẩm tra dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ngày 09/7/2026 và Báo cáo số 413/BC-HĐND ngày 10/7/2026 về kết quả thẩm tra dự thảo nghị quyết (Trình kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa XX); Sở Tài chính đã tiếp thu, rà soát, sửa đổi một số nội dung, mức chi dành cho cấp xã (đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 327/TTr-STC ngày 29/6/2026) đảm bảo chặt chẽ và phù hợp với các quy định hiện hành cũng như điều kiện thực tế nguồn lực của cấp xã, cụ thể như sau:

I. Tại mục V. Chi công tác xây dựng và ban hành văn bản

Tại khoản 1. Xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND

- Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND (05 năm) của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND cấp tỉnh: nâng mức quy định từ “3.000 nghìn đồng/báo cáo” lên mức chi “5.000 nghìn đồng/báo cáo”.

II. Tại mục VI. Một số chế độ hỗ trợ điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND

1. Tại khoản 2. Chế độ của đại biểu HĐND trong 01 nhiệm kỳ

- Đại biểu HĐND cấp xã được hỗ trợ mua 01 máy vi tính (hoặc Ipad): sửa đổi từ quy định “Do thường trực HĐND cấp xã quyết định” thành mức chi cụ thể là “20.000 nghìn đồng/chiếc”.

- Đại biểu HĐND cấp xã được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND (chi bằng tiền mặt hoặc hiện vật): sửa đổi từ quy định “Do thường trực HĐND cấp xã quyết định” thành mức chi cụ thể là “3.000 nghìn đồng/người”.

2. Tại khoản 4. Hỗ trợ Lãnh đạo và Chuyên viên thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp xã trực tiếp tham mưu và phục vụ hoạt động HĐND

2.1. Hỗ trợ Lãnh đạo và Chuyên viên thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh

- Được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND: nâng mức quy định từ “2.000 nghìn đồng/người/lần” lên mức chi “3.000 nghìn đồng/người/lần”.

2.2. Hỗ trợ Lãnh đạo và Chuyên viên thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp xã

- Được trang bị 01 máy vi tính (hoặc Ipad): sửa đổi từ quy định “Do thường trực HĐND cấp xã quyết định” thành mức chi cụ thể là “20.000 nghìn đồng/chiếc”.

- Hỗ trợ may 01 bộ trang phục: sửa đổi từ quy định “Do thường trực HĐND cấp xã quyết định” thành mức chi cụ thể là “5.000 nghìn đồng /người/nhiệm kỳ”.

- Được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND: sửa đổi từ quy định “Do thường trực HĐND cấp xã quyết định” thành mức chi cụ thể là “3.000 nghìn đồng/người/lần”.

III. Tại mục VII. Chi hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh

- Hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND cấp xã (đội nội, đội ngoại, chi khác): sửa đổi từ quy định “Do thường trực HĐND cấp xã quyết định nhưng không quá 70% mức chi của cấp tỉnh” thành mức chi cụ thể là: “100.000 nghìn đồng/năm”.

- Hỗ trợ hoạt động các Tổ đại biểu HĐND cấp xã: sửa đổi từ quy định “Do thường trực HĐND cấp xã quyết định nhưng không quá 70% mức chi của cấp tỉnh” thành mức chi cụ thể là: “20.000 nghìn đồng/năm”.

IV. Tại mục VIII. Chi cho công tác xã hội

- Chế độ tặng quà cho đối tượng, gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác do thường trực HĐND quyết định: Bỏ quy định “Do thường trực HĐND cấp xã quyết định” ở cấp xã.

Trên đây là những nội dung Sở Tài chính đã sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết sau khi tiếp thu toàn bộ ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại Báo cáo số 413/BC-HĐND ngày 10/7/2026. Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh và đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa XX./.

(Kèm theo: Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đã tiếp thu hoàn chỉnh nội dung;
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- GD, PGD (Đ/c Linh);
- Lưu VT, HCSN_{T.Mai}.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thùy Linh

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

	Nội dung	Đơn vị tính	NQ 11/2021/N Q-HĐND tỉnh Bắc Ninh (cũ)	NQ 29/2021/NQ- HĐND tỉnh Bắc Giang (cũ) được áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh mới từ 14/7/2025	Đề xuất mức chi tại Dự thảo NQ mới		Nội dung BS mới	So sánh với các Tỉnh, Tp đã ban hành
I	Chi phục vụ kỳ họp HĐND							
1	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp HĐND							
-	Chủ tọa	Nghìn đồng /người/buổi	Ko quy định	250 (500/ngày)	500	300		Hà Nội: 300; Thanh Hóa: 400; Cần Thơ: 700; Phú Thọ: 500/ngày; Tuyên Quang: 400/ngày; Hưng yên ko quy định
-	Thư ký	Nghìn đồng /người/buổi	Ko quy định	100 (200/ngày)	300	200		Hà Nội: 200; Thanh Hóa: 300; Cần Thơ: 300; Phú Thọ: 300/ngày; Tuyên Quang: 150/ngày; Hưng yên ko quy định
-	Đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/buổi	Ko quy định	100 (200/ngày)	300	200		Hà Nội: 150; Cần Thơ: 200; Phú Thọ: 500/ngày; Tuyên Quang: 200/ngày; Hưng yên, Thanh Hóa, Phú Thọ ko quy định

	Khách mời; Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã, phường phục vụ trực tiếp kỳ họp; phóng viên	Nghìn đồng /người/buổi	400/người/ kỳ họp (không bao gồm khách mời)	70 (150/ngày)	200	100	Hà Nội: 100; Thanh Hóa: 150; Cần Thơ: 150; Hưng yên: 100; Phú Thọ: 150/ngày; Tuyên Quang (Cán bộ VP: 600/kỳ họp; khách mời, phóng viên, lái xe: 100/ngày);
2	Chi bồi dưỡng Đại biểu HĐND nghiên cứu tài liệu kỳ họp					BS mới so với NQ 29	
	Đại biểu Trung ương	Nghìn đồng /người/kỳ họp	500 (chỉ quy định cho chủ tịch và thư ký)	Ko quy định	1.000		Thanh Hóa: 200/buổi; Hưng Yên: 100/báo cáo, nghị quyết; Cần Thơ: 1.000/kỳ họp; Tuyên Quang: 200/ngày; Phú Thọ ko quy định
	Đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/kỳ họp		Ko quy định	500	300	
3	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời, cán bộ, công chức, phóng viên, nhân viên phục vụ kỳ họp (người không ăn được thanh toán bằng tiền mặt)	Nghìn đồng /người/ngày	300	250	400	300	Hà Nội: 300; Phú Thọ: 300; Tuyên Quang: 400; Hưng yên: 500; Thanh Hóa: 400
4	Chế độ phòng nghỉ, nước uống		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành	Thực hiện theo quy định Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành			
II	Chi phục vụ các phiên họp của Thường trực HĐND; họp thẩm tra của các Ban HĐND; thẩm định của Đảng đoàn HĐND; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh; họp tham vấn ý kiến nhân dân						
-	Chủ trì	Nghìn đồng	200	200	300	200	Cần Thơ: 300; Hà Nội:

		/người/buổi							300; Tuyên Quang: 200; Phú Thọ: 200.
-	Thư ký, đại biểu mời dự họp, khách mời	Ngàn đồng /người/buổi	100	100	200	150			Cần Thơ: 200; Hà Nội: 200; Tuyên Quang: 100; Phú Thọ: 100
-	Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND xã, phường phục vụ trực tiếp cuộc họp; phóng viên	Ngàn đồng /người/buổi	80	70	100	100			Cần Thơ: 100; Hà Nội: 100; Tuyên Quang: 80; Phú Thọ: 100
III	Chi hoạt động giám sát, khảo sát								
1	Chi xây dựng văn bản								
a	Xây dựng văn bản phục vụ hoạt động giám sát								
-	Xây dựng kế hoạch, quyết định của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Ngàn đồng /văn bản	Không quy định	Không quy định	2.000	1.000	BS mới so với NQ 29		
-	Xây dựng đề cương giám sát	Ngàn đồng /văn bản	1.200/đợt giám sát	2.000	3.000	1.500			Hà Nội (Đoàn của HĐND, TT HĐND: 1.500; Đoàn các Ban HĐND: 1.000); Phú Thọ: 1.000; Hưng Yên: 1.000; Cần Thơ: 700; Tuyên Quang: 2.000
-	Xây dựng báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát	Ngàn đồng /văn bản	1.500	1.000	3.000	1.500			Phú Thọ: 1.000; Cần Thơ: 750; Hà Nội, Tuyên Quang, Hưng Yên ko quy định
-	Xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung	Ngàn đồng /văn bản		3.000	4.000	2.000			Hà Nội (Đoàn của HĐND, TT HĐND: 4.500; Đoàn các Ban HĐND: 2.000); Hưng Yên (quy định 1 loại BC kết quả GS): 5.000;

-	Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri: Trang trí khánh tiết, nước uống...	Ngàn đồng /điểm/lần	3.000	1.000	3.000	2.000	Hà Nội: 5.000; Tuyên Quang: 3.000; Phú Thọ: 2.500; Hưng Yên: 3.000; Cần Thơ: 2.000; Thanh Hóa: 3.000
-	Hỗ trợ thăm hỏi các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nơi tiếp xúc cử tri	Ngàn đồng /điểm/lần	Ko quy định	Ko quy định	2.000	1.000	Tuyên Quang: 1.500; các tỉnh còn lại ko quy định
2	Chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri						
-	Đại biểu HĐND	Ngàn đồng /người/năm	100 /người/buổi	200/ /người/buổi	5.000	3.000	Hà Nội: 100/buổi; Hưng Yên khoán: 2.400/năm; Thanh Hóa: 3.000- 5.000/người/năm theo xã miền núi; Cần Thơ: 7.000/năm; Tuyên Quang: 4.000/năm
-	Cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND cấp xã;	Ngàn đồng /người/năm	100 /người/buổi	200/ /người/buổi	500	300	
-	Đại diện chính quyền, tổ chức, đoàn thể; phóng viên được phân công dự, đưa tin hội nghị	Ngàn đồng /người/buổi	100	100	200	150	Hà Nội: 80/buổi; Tuyên Quang: 100/điểm; Thanh Hóa: 500/đợt; Cần Thơ: 150/buổi; Hưng Yên: 100/buổi; Phú Thọ: 150/buổi
-	Lái xe, nhân viên phục vụ	Ngàn đồng /người/buổi	80		100	100	
3	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri của các Tổ đại biểu	Ngàn đồng /báo cáo	1.500/đợt	Ko quy định	1.000	500	Tuyên Quang: 500; Hà nội: 500; Hưng Yên: 500; Phú Thọ: 500; Cần Thơ:

[illegible]

									Cần Thơ (các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn: báo cáo, kế hoạch, biên bản, tập hợp ý kiến, NQ chất vấn): 2.000/1 bộ VB; Tuyên Quang: 1.000 Hà Nội: 800; Cần Thơ: 300; Thanh Hóa: 1.500; Tuyên Quang, Phú Thọ không quy định
-	Xây dựng báo cáo tập hợp ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Tổ và thảo luận tại hội trường	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	500	1.500	1.000			
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận chung của đại biểu HĐND trình kỳ họp	Nghìn đồng /báo cáo	Không quy định	2.000	2.000	1.500	Mức chi tại NQ 29 đã cao hơn các tỉnh còn lại	Hà Nội: 1.500; Cần thơ: 1.000; Thanh Hóa: 1.500; Tuyên Quang, Phú Thọ không quy định	
-	Xây dựng báo cáo tóm tắt kỳ họp phục vụ đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri	Nghìn đồng /báo cáo	Không quy định	2.000	2.000	1.500	Mức chi tại NQ 29 đã cao hơn các tỉnh	Hung Yên: 1.500; Hà Nội, Thanh Hóa, Phú Thọ, Tuyên Quang ko quy định;	
-	Tổng hợp các ý kiến chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND; gỡ băng, file âm thanh; soạn thảo văn bản tổng hợp yêu cầu thực hiện các giải pháp nêu trong nội dung trả lời chất vấn	Nghìn đồng /văn bản	Không quy định	300	1.000	500		Hung Yên: 500; Phú Thọ quy định trong nhóm nội dung bộ văn bản phục vụ hoạt động chất vấn; Hà Nội, Thanh Hóa, Tuyên Quang ko quy định	
-	Rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi đã được HĐND thông qua tại kỳ họp	200.000 đồng/01 trang A4	1.500	Tối đa không quá 1.500/nghi quyết	Tối đa không quá 2.000/nghi quyết	Tối đa không quá 1.000/nghi quyết		Tuyên Quang: 500; Phú Thọ: 1.000; Hà Nội, Hưng Yên, Thanh Hóa: 2.000.	
-	Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND định kỳ trình kỳ	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.000	3.000	1.500		Tuyên Quang (6 tháng: 1.000; 1 năm: 2.000); Phú Thọ: 1.500; Hưng yên:	

	họp HĐND								
-	Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND (05 năm) của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	2.000	3.000	2.000			1.500; Thanh Hóa: 1.000; TP Hà Nội không quy định Tuyên Quang: 4.000; Phú Thọ: 2.000; Hưng Yên: 1.500; Thanh Hóa: 1.000; TP Hà Nội không quy định
-	Xây dựng biên bản tóm tắt kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /văn bản	Không quy định	1.500	2.000	1.000	Nội dung chi tại NQ		Các tỉnh, TP đã ban hành NQ không quy định
-	Xây dựng báo cáo thẩm định của Đảng ủy HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	Không quy định	2.000	3.000	Không có	29 đã chi tiết hơn so		Các tỉnh, TP đã ban hành NQ không quy định
2	Xây dựng thông báo, kết luận phiên họp của Thường trực HĐND	Nghìn đồng /văn bản	Không quy định	1.000	2.000	1.000	với các tỉnh khác, do vậy đề xuất ko tăng mức chi		Thanh Hóa: 1.000; Hà Nội, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hưng Yên ko quy định
3	Soạn thảo báo cáo thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh	Nghìn đồng /báo cáo	1.500	2.000	3.000	2.000			Hà Nội: 3.000-4.500; Phú Thọ: 2.000; Hưng yên: 3.000; Thanh Hóa: 2.000; Tuyên Quang: 1.000
4	Xây dựng báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết trình HĐND tỉnh	Nghìn đồng /báo cáo	Không quy định	1.000	2.000	1.000			Các tỉnh, TP đã ban hành NQ không quy định
5	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành	Nghìn đồng /báo cáo	1.500	800	1.500	1.000			Các tỉnh, TP đã ban hành NQ không quy định
6	Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri của Thường trực HĐND trình HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.000	2.000	1.000			Tuyên Quang: 1.000; Hưng Yên: 1000; Phú Thọ: 1.500; Hà Nội: 2.000; Cần Thơ: 1.000; Thanh

	Chi hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân		Không quy định					Hóa ko quy định
7	Chi hoạt động điều tra xã hội học							Các tỉnh, TP đã ban hành NQ không quy định
a)	Lập mẫu phiếu điều tra	Nghìn đồng /mẫu phiếu		500	800	500		
-	Chi trả thù lao người cung cấp thông tin	Nghìn đồng /mẫu phiếu		30	50	30		
-	Chi trả thù lao người đi điều tra	Nghìn đồng /mẫu phiếu		10	20	10		
b)	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham vấn	Nghìn đồng /báo cáo		1.000	2.000	1.000		
8	Mức chi viết bài phản biện, tham gia ý kiến, đánh giá tác động của văn bản mới theo yêu cầu của Thường trực HĐND	Nghìn đồng/bài	Ko quy định	1.000	1.000	700		Thanh Hóa: 1.500; Hưng Yên: 200; Cần Thơ: 500; Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Nội ko quy định
9	Hỗ trợ cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh kinh phí xây dựng các nghị quyết của HĐND	Mức chi do TT HĐND tỉnh quyết định	Ko quy định	tối đa không quá 400.000 đồng/ngày quyết	tối đa không quá 500.000 đồng/ngày quyết	tối đa không quá 300.000 đồng/ngày quyết		Các tỉnh, TP đã ban hành NQ không quy định
10	Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo	Nghìn đồng /báo cáo	Ko quy định	Ko quy định	1.500	1.000	BS mới so với NQ 29	Thanh Hóa: 1.500; các tỉnh còn lại ko quy định
VI	Một số chế độ hỗ trợ điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND							
1	Hoạt động phí bại biểu HĐND	Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội						
2	Chế độ của đại biểu HĐND trong 01 nhiệm kỳ							

	Đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền may 02 bộ trang phục	Ngìn đồng/bộ	5.000	5.000	8.000	5.000	Đề nghị ko tăng để đảm bảo bằng mức của ĐBQH	Quy định may trang phục cho đại biểu quốc hội tại NQ số 524 của UBND tỉnh là 5.000/bộ; Hà Nội: 5.000; Phú Thọ: 10.000; Thanh Hóa: 5.000; Cần Thơ: 8.000; Hưng Yên: 5.000; Tuyên Quang: 5.000
	Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ mua 01 máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	Ngìn đồng/chiếc	VB của TTTU hoặc BTVTU	10.000	20.000	Do TT HĐND cấp xã quyết định		Thực hiện theo Đề án số 10-ĐA/TU ngày 03/5/2026 của Tỉnh ủy để đảm bảo thống nhất
	Được cấp đầu nhiệm kỳ một số dụng cụ để phục vụ hoạt động đại biểu HĐND (cặp da, sổ ghi chép, phù hiệu,...)	Ngìn đồng/người	2.000	2.000	3.000	1.500		Các tỉnh, TP đã ban hành NQ không quy định
	Đại biểu HĐND được cấp Báo đại biểu Nhân dân		Không quy định	Không quy định	Do TT HĐND cấp tỉnh quyết định	Do TT HĐND cấp xã quyết định		
	Đại biểu HĐND được chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng	Ngìn đồng/người/năm	2.000	5.000	8.000	5.000	Mức chi tại NQ 29 đã cao hơn so với các tỉnh	Tuyên Quang: 3.000; Phú Thọ: 1.500; Hưng Yên: 700; Hà Nội, Thanh Hóa, Cần Thơ, ko quy định
	Đại biểu HĐND được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND	Ngìn đồng/người	2.000	Do TT HĐND quyết định trên cơ sở dự toán NS được giao	3.000	Do TT HĐND cấp xã quyết định		
3	Hỗ trợ văn phòng phẩm; phí khai							

								cấp xã quyết định			
VIII	Chi cho công tác xã hội										
1	Chế độ tặng quà cho đối tượng, gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác do thường trực HEND quyết định	Nghìn đồng/năm	Ko quy định	Ko quy định.	200.000	Do TT HEND cấp xã quyết định	BS mới so với NQ 29				
2	Chế độ thăm hỏi ốm đau đối với đại biểu HEND										
-	Khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/người/năm)	Nghìn đồng /người/lần	1.000	1.000	2.000	1.000					
-	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì được chi trợ cấp 1 lần	Nghìn đồng /người/lần	2.000	5.000	5.000	2.000					
3	Chi thăm viếng										
-	Đại biểu HEND đương nhiệm từ trần được phúng viếng	Nghìn đồng/lần	2.000	2.000	3.000	2.000					
-	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con đẻ; con nuôi hợp pháp của đại biểu HEND đương nhiệm.	Nghìn đồng/lần	2.000	1.500	2.000	1.000					

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ VÀ ĐỊNH MỨC CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỌND CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15, Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, góp ý và tổng số ý kiến đã nhận:

* Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản¹:

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi xin ý kiến: 127.

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi ý kiến tham gia (tính đến hết thời hạn xin ý kiến - ngày 03/6/2026): 47.

Trong đó: 40/47 ý kiến tham gia nhất trí hoàn toàn nội dung dự thảo Nghị quyết; 07/47 ý kiến góp ý nội dung dự thảo Nghị quyết.

* Hình thức lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh: Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải lấy ý kiến từ ngày 28/5/2026 (địa chỉ đường link: <https://bacninh.gov.vn/gop-y-du-thao-van-ban>); đến nay không có ý kiến góp ý đối với nội dung dự thảo Nghị quyết.

* Hình thức lấy ý kiến trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính: Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải lấy ý kiến từ ngày 28/5/2026 (địa chỉ đường link: <https://stc.bacninh.gov.vn/news/-/details/1375467/noi>); đến nay không có ý kiến góp ý đối với nội dung dự thảo Nghị quyết.

¹ Công văn số 3935/STC-HCSN ngày 28/5/2026 của Sở Tài chính, thời hạn xin ý kiến: Đến ngày 03/6/2026.

2. Kết quả cụ thể như sau:

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU. GIẢI TRÌNH
1	Sở Tư pháp	1. Đối với dự thảo Nghị quyết - Phần căn cứ ban hành: Rà soát, xác định văn bản là căn cứ ban hành đảm bảo chính xác, phù hợp với Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và khoản 5 phần V Mục 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đơn cử: (i) Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tệp gọi của căn cứ ban hành thứ 4, thứ 5. (ii) Không trình bày văn bản là căn cứ ban hành thứ 6. - Phần nơi nhận: Đề nghị rà soát các thành phần nhận đảm bảo chính xác, phù hợp với điểm b khoản 8 phần II mục 1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP7, đơn cử như: + Thành phần nhận thứ 3 điều chỉnh thành: “Cục KTVB & TCTHPL-Bộ Tư pháp” để đảm bảo phù hợp với Nghị định số 09/2026/NĐ-CP. + Thành phần nhận “Công TTTT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh” là kênh thông tin để khai thác - không phải là cơ quan tiếp nhận văn bản. 2. Đối với dự thảo Quy định kèm theo: - Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng: Bổ sung quy định thể hiện phạm vi về không gian để đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. - Điều 4 quy định nội dung chi và mức chi cụ thể: Đề nghị rà soát các nội dung và mức chi đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật liên quan và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.	- Đã tiếp thu và chỉnh sửa.
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Có biểu chi tiết kèm theo	

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU. GIẢI TRÌNH
3	Thanh tra tỉnh	1. Trường hợp kế thừa mức chi theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND thì đề nghị thống nhất mức chi (tại dự thảo Nghị quyết và Bảng so sánh, thuyết minh...), cụ thể: - Tại Phần II, có nêu chi: Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND xã, phường phục vụ trực tiếp cuộc họp; phóng viên, mức chi cấp tỉnh (80.000 đồng/người/buổi) cao hơn so với mức chi ở Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND (70.000 đồng/người/buổi). - Tại mục 2, phần III, có nêu chi: Lái xe, nhân viên phục vụ, mức chi cấp tỉnh (80.000 đồng/người/buổi) cao hơn so với mức chi ở Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND (70.000 đồng/người/buổi). 2. Tham gia trực tiếp vào dự thảo Nghị quyết (Có dự thảo kèm theo).	- Đã tiếp thu và chỉnh sửa (cơ sở xây dựng nội dung và mức chi tại Tờ trình dự thảo NQ là kế thừa NQ của 2 tỉnh trước sáp nhập, cụ thể nội dung này là kế thừa mức chi tại NQ số 11/2021/NQ-HĐND của tỉnh Bắc Ninh cũ). - Dự thảo NQ được xây dựng theo mẫu số 18 - phụ lục I kèm theo NĐ số 187/NĐ-CP của CP. Nội dung tham gia ý kiến của đơn vị không phù hợp với quy định tại mẫu số 18, do vậy STC không tiếp thu. - Không tiếp thu do khối lượng công việc cần giải quyết của đại biểu chuyên trách và đại biểu kiêm nhiệm khác nhau. - Không tiếp thu (việc quy định đối tượng cụ thể từ ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo). - Đã tiếp thu và bỏ quy
4	Xã Tiên Lục	1. Mục 3, phần VI, Điều 4, Chương 2: “Hỗ trợ văn phòng phẩm; phí khai thác internet; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu”. Đề nghị quy định hỗ trợ kinh phí cùng một mức như nhau, không không biệt đại biểu kiêm nhiệm và đại biểu chuyên trách. 2. Mục 3, phần VI, Điều 4, Chương 2: “Hỗ trợ may 01 bộ trang phục cho cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND cấp xã” Đề đề nghị thay bằng “Công chức Văn phòng HĐND và UBND xã được phân công nhiệm vụ tham mưu, giúp việc HĐND xã” (số thứ tự thay bằng mục 4, bởi vì ở bên trên đã có mục 3). 3. Mục 1, phần V, Điều 4, Chương 2: “Xây dựng báo cáo thẩm định của	

STT	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU. GIẢI TRÌNH
		Đảng đoàn HÈND”. Đề nghị xem xét lại, vì thực tế không có cơ quan này. 4. Mục 2, phần VII, Điều 4, Chương 2: “Chi thăm viếng Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con đẻ; con nuôi hợp pháp của đại biểu HÈND đương nhiệm; nguyên đại biểu HÈND”. Đề nghị nếu rõ nguyên đại biểu HÈND thì tính thế nào! từ trước các xã cũ, hay sau khi sáp nhập, hay khóa đương nhiệm; đối với các nguyên đại biểu HÈND huyện thì có được hưởng không, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ hơn về nội dung này.	định này ở cấp xã. - Đã bỏ đối tượng “nguyên là đại biểu HÈND” do khó xác định và thống kê đối tượng do thực hiện sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập tỉnh.
5	Xã Bồ Hạ	Đề nghị xem xét quy định mức cấp xã bằng 80% cấp tỉnh; bổ sung hỗ trợ mua máy tính cho cấp xã và tăng số kinh phí hỗ trợ mua máy tính lên 20 triệu đồng đối với cấp tỉnh, 15 triệu đồng đối với cấp xã để đảm bảo thực hiện được nội dung phòng họp không giấy theo Đề án số 10-ĐA/TU.	Mức chi của cấp xã bằng 50% đến 100% so với mức chi của cấp tỉnh, tùy thuộc từng nội dung chi. Kinh phí mua máy tính đã được sửa đổi do TT HÈND các cấp quyết định mức chi phù hợp với Đề án số 10-ĐA-TU của Tỉnh ủy.
6	Xã Hợp Thịnh	1. Về nội dung chi và mức chi cụ thể - Đại biểu HÈND tỉnh được trang bị máy tính xách tay hoặc Ipad trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), để phù hợp với Đề án số 10-ĐA/TU ngày 03/5/2026 của Tỉnh ủy Bắc Ninh; Đại biểu HÈND xã được trang bị máy tính xách tay hoặc Ipad trị giá 15.000.000đ (Mười triệu đồng/1 đại biểu/1 nhiệm kỳ). - Được cấp đầu nhiệm kỳ một số dụng cụ để phục vụ hoạt động của Đại biểu HÈND xã như: Cặp da, sổ ghi chép, phù hiệu, thẻ Đại biểu HÈND xã ... không quá 1.000.000đ (Một triệu đồng/1 đại biểu/1 nhiệm kỳ). - Đại biểu HÈND cấp xã được chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng không quá 3.000.000đ (Ba triệu đồng/1 đại biểu/năm). -Đại biểu HÈND được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc kết thúc nhiệm kỳ HÈND, không quá 1.000.000đ (Một triệu đồng/1 đại biểu/1 nhiệm kỳ).	- Mức chi cụ thể từng cấp do TT HÈND quyết định. - Mức chi cụ thể của cấp xã do TT HÈND cấp xã quyết định. - Mức chi cụ thể của cấp xã do TT HÈND cấp xã quyết định. - Mức chi cụ thể của cấp xã do TT HÈND cấp xã quyết định.

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU. GIẢI TRÌNH
		2. Về chi công tác xã hội Về chi thăm hỏi ốm đau: Nên bổ sung chi thăm hỏi ốm đau cho thân nhân như: bố mẹ, vợ chồng, con của Đại biểu HĐND xã nằm viện điều trị, mức chi không quá 500.000đ/01 người/lần, điều trị, không quá 02 lần/người/năm) 3. Bổ sung chi cho các ban và các tổ Đại biểu HĐND. - Các Ban HĐND cấp Tỉnh....., cấp xã 60.000.000/ban/năm. - Các Tổ đại biểu HĐND xã cấp Tỉnh....., cấp xã 10.000.000đ/tổ/năm. 4. Chi bổ sung hoạt động kiêm nhiệm của HĐND cấp xã. - Hỗ trợ Trưởng ban hoạt động kiêm nhiệm 700.000đ/01 người/tháng. - Hỗ trợ Phó Trưởng ban hoạt động kiêm nhiệm 500.000đ/01 người/tháng.	- Không tiếp thu do không có cơ sở quy định. - Mức chi cụ thể của cấp xã do TT HĐND cấp xã quyết định. - Không tiếp thu do không có cơ sở quy định.
7	Sở Y tế	- Tại tiêu đề Tờ trình (Trang 1) đang ghi: "...trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh Bắc Ninh". Đề nghị bỏ bớt một từ "Bắc Ninh" bị lặp lại. - Tại Mục I, Khoản 2 (Cơ sở thực tiễn) dòng thứ 8 đang ghi: "...định mức chi tiêu tài chính....". Đề nghị sửa lại thành "chi tiêu".	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
8	Ban QLDA các CT Dân dụng và Đô thị số 1; Ban GTNN số 2; Ban QL các KCN; Phường Đa Mía, Phường Đào Viên; Phường Đồng Nguyên; Phường Kinh Bắc; Phường Nam Sơn; Phường Phương Liễu; Phường Song Liễu; Phường Phụng Sơn; Phường Tân Tiến; Phường Trại Lộ; Phường Võ Cường; Phường Tự Lạn; Phường Việt Yên; Quý Dầu tư phát triển; Sở Công Thương; Sở Dân tộc và Tôn Giáo; Sở KH&CN; Sở NN&MT; Sở Nội vụ; Sở	Nhất trí	

STT	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU. GIẢI TRÌNH
	Xây Dựng: Xã Biên Sơn; Xã Đại Sơn; Xã Đông Cứu; Xã Đồng Kỳ; Xã Lạng Giang; Xã Lương Tài; Xã Nghĩa Phương; Xã Ngọc Thiện; Xã Phúc Hòa; Xã Sơn Động; Xã Sơn Hải; Xã Tam Đa; Xã Tân Dĩnh; Xã Tân Yên; Xã Tuấn Đạo; Xã Văn Môn; Xã Văn Sơn		

UBND TỈNH BẮC NINH
VĂN PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113 /BC-VP

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra nội dung: Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Chương trình công tác tháng 5/2026, Văn phòng UBND tỉnh tiến hành thẩm tra nội dung: *Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, kết quả thẩm tra cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết phải ban hành

Văn phòng UBND tỉnh thống nhất với căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn như Sở Tài chính nêu trong Tờ trình số 327/TTr-STC ngày 29/6/2026. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là cần thiết, phù hợp điều kiện thực tiễn, tuân thủ quy định hiện hành.

2. Về trình tự thủ tục: Sở Tài chính chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Hồ sơ trình đã được Sở Tư pháp thẩm định trước khi báo cáo UBND tỉnh.

3. Về bố cục, thể thức: Tờ trình của Sở Tài chính trình UBND tỉnh, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh được trình bày theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

4. Về nội dung: Văn phòng UBND tỉnh nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết do Sở Tài chính chủ trì xây dựng.

5. Đề nghị: Chủ tịch UBND tỉnh cho phép Sở Tài chính được trình nội dung trên tại Phiên họp thường kỳ tháng 6/2026 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự họp;
- Hồ sơ cuộc họp;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh;
- + CVP, PCVP Lê Ngọc Tú;
- TPKTTH, THĐT;
- + Lưu: VT, KTTH.Trung.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Ngọc Tú

Số: 337/BC-STP

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh gửi kèm theo Công văn số 4496/STC-HCSN ngày 15/6/2026 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; căn cứ quy định pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

- Căn cứ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn thể hiện tại hồ sơ dự thảo Nghị quyết cho thấy việc ban hành dự thảo Nghị quyết là cần thiết, đảm bảo triển khai thực hiện chế độ, chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng được thể hiện tại Điều 1, Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết cơ bản đảm bảo thống nhất hợp với nội dung dự thảo văn bản.

Bên cạnh đó, đối với phạm vi điều chỉnh: Tại văn bản số 162/HĐND-CTHĐND ngày 07/4/2026 của Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng nghị quyết quy định pháp luật của HĐND tỉnh có nêu “ban hành các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2026 - 2031”; do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc tham mưu xây dựng Nghị quyết thực hiện trong nhiệm kỳ 2026-2031 để đảm bảo tính phù hợp.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

3.1. Về thẩm quyền ban hành

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b¹, c² khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

3.2. Về nội dung

* Đối với dự thảo Nghị quyết

- Tên dự thảo Nghị quyết quy định “... định mức chi đảm bảo...”, trong khi đó nội dung Điều 4 thể hiện nội dung quy định về mức chi cụ thể; do đó, đề nghị rà soát nội dung này tại: tên dự thảo Nghị quyết, dòng cuối cùng phần căn cứ ban hành, Điều 1 dự thảo Nghị quyết, tên dự thảo Quy định, Điều 1 dự thảo Quy định để quy định đảm bảo chính xác, thống nhất.

Đồng thời, với ý kiến về phạm vi điều chỉnh đã nêu tại mục 1 Báo cáo này, trường hợp xây dựng Nghị quyết theo giai đoạn tương ứng nhiệm kỳ hoạt động 2026-2031, đề nghị rà soát bổ sung nội dung này trong toàn dự thảo Nghị quyết để đảm bảo tính thống nhất.

- Điều 2 về điều khoản thi hành: Đề nghị bổ sung hiệu lực thi hành của dự thảo Nghị quyết để phù hợp với khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP³. Đồng thời, với ý kiến về phạm vi điều chỉnh đã nêu tại mục 1 Báo cáo này, trường hợp xây dựng Nghị quyết theo giai đoạn tương ứng nhiệm kỳ hoạt động 2026-2031, đề nghị quy định hiệu lực thi hành của văn bản cụ thể ngày/tháng/năm theo giai đoạn để chủ động trong triển khai, thực hiện, xử lý văn bản trong quá trình rà soát theo quy định.

* Đối với dự thảo Quy định

- Điều 3 về nguyên tắc chung: Khoản 4 quy định “Nội dung và mức chi trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND quy định tổng mức chi; nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức khoán chi trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy

¹ HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”, cụ thể là quy định nội dung tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu hội đồng nhân dân “Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”; khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các Điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật”.

² HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”

³ Ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ. Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.” thể hiện nội hàm về nội dung chi và mức chi - không phải là nguyên tắc thực hiện các nội dung nhiệm vụ chi được quy định tại dự thảo này. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo phù hợp.

- Điều 4 quy định nội dung chi và mức chi cụ thể:

+ Như ý kiến đối với tên dự thảo Nghị quyết.

+ Đề nghị rà soát các nội dung và mức chi đảm bảo tính cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh; đơn cử như:

(i) Một số nội dung được quy định dưới dạng “...” là chưa đảm bảo tính cụ thể của quy định, đơn cử: mục 1 phần IV, mục 2 phần VI.

(ii) Tại mục V chi công tác xây dựng và ban hành văn bản – có thể được hiểu bao gồm cả văn bản hành chính và văn bản quy phạm pháp luật, đơn cử tại mục 4 có nội dung chi xây dựng báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết trình HĐND tỉnh; trong khi đó tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã quy định nội dung và mức chi trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND. Do đó, đề nghị rà soát, nghiên cứu quy định đảm bảo phù hợp, tránh trùng lặp chế độ chính sách.

(iii) Tại mục 2 phần VI có quy định nội dung chi “Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ mua 01 máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương”, trong khi đó tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13⁴ có quy định đối với “Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách được bảo đảm chỗ làm việc, trang thiết bị văn phòng đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước theo quy định của Chính phủ”, theo đó chế độ này đang được thực hiện theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg⁵.

(iv) Đề nghị làm rõ cơ sở của một số nội dung chi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đơn cử như mục 4 phần VI – chi hỗ trợ may 01 bộ trang phục cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp xã.

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không phát sinh thủ tục hành chính, do đó Sở Tư pháp không có ý kiến thẩm định nội dung này.

⁴ Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

⁵ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

5. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Với các nội dung trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với cơ quan có liên quan tham mưu, đảm bảo các nguồn lực (đặc biệt là nguồn lực tài chính), điều kiện để tổ chức thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua.

6. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết

6.1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày cơ bản đảm bảo phù hợp với Nghị định số 78/2025/NĐ-CP⁶ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP⁷. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa:

- Phần căn cứ ban hành: Rà soát, trình bày văn bản là căn cứ ban hành phù hợp với khoản 5⁸ phần V Mục 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đơn cử: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của căn cứ ban hành thứ 4, thứ 5.

- Trình bày số trang dự thảo văn bản phù hợp với khoản 7⁹ phần I mục 1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Với số lượng Điều được quy định tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị nghiên cứu bố cục trình bày theo Mẫu số 17 phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính phù hợp.

- Rà soát, chỉnh sửa một số lỗi kỹ thuật trình bày, đơn cử Điều 1 dự thảo Nghị quyết, mục 1 phần VI.

6.2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo

Qua các nội dung trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết cho thấy trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

⁶ Ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

⁷ Ngày 01/7/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

⁸ Viết hoa chữ cái đầu của tên loại văn bản và chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản trong trường hợp nói đến một văn bản cụ thể

⁹ Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng số Ả Rập, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, không hiển thị số trang thứ nhất, đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của văn bản được ban hành kèm theo được đánh số riêng theo từng văn bản. Số trang của Phụ lục được đánh số riêng theo từng Phụ lục.

7. Về điều kiện trình UBND tỉnh

- Về trình tự, thủ tục: Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình theo quy định.
- Về nội dung: Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh sau khi nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh ý kiến thẩm định đã nêu tại mục 1, tiểu mục 3.2 mục 3, tiểu mục 6.1 mục 6 Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết đảm bảo đủ điều kiện trình; đồng thời, thực hiện theo quy định tại khoản 1¹⁰, khoản 2¹¹ Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Anh Tuấn

¹⁰ “1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

- a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản;
- b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.”

¹¹ “2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

- a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 45 của Nghị định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo;
- b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.”

Số: 671 /BC-STC

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Báo cáo số 337/BC-STP ngày 27/6/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh,

Tại Báo cáo thẩm định, Sở Tư pháp có ý kiến:

I. Về nội dung

1. Đối với dự thảo Nghị quyết - Tên dự thảo Nghị quyết quy định “ ... *định mức chi đảm bảo ...*”, trong khi đó nội dung Điều 4 thể hiện nội dung quy định về mức chi cụ thể; do đó, đề nghị rà soát nội dung này tại: tên dự thảo Nghị quyết, dòng cuối cùng phần căn cứ ban hành, Điều 1 dự thảo Nghị quyết, tên dự thảo Quy định, Điều 1 dự thảo Quy định để quy định đảm bảo chính xác, thống nhất.

Nội dung này: Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa, bỏ chữ “*định*” tại tên dự thảo Nghị quyết và Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

2. Đồng thời, với ý kiến về phạm vi điều chỉnh đã nêu tại mục 1 Báo cáo này, trường hợp xây dựng Nghị quyết theo giai đoạn tương ứng nhiệm kỳ hoạt động 2026-2031, đề nghị rà soát bổ sung nội dung này trong toàn dự thảo Nghị quyết để đảm bảo tính thống nhất. Điều 2 về điều khoản thi hành: Đề nghị bổ sung hiệu lực thi hành của dự thảo Nghị quyết để phù hợp với khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ CP. Đồng thời, với ý kiến về phạm vi điều chỉnh đã nêu tại mục 1 Báo cáo này, trường hợp xây dựng Nghị quyết theo giai đoạn tương ứng nhiệm kỳ hoạt động 2026-2031, đề nghị quy định hiệu lực thi hành của văn bản cụ thể ngày/tháng/năm theo giai đoạn để chủ động trong triển khai, thực hiện, xử lý văn bản trong quá trình rà soát theo quy định.

Nội dung này: Sở Tài chính đã tiếp thu và bổ sung hiệu lực thi hành của dự thảo Nghị quyết, tuy nhiên nội dung bổ sung thời gian thực hiện Nghị quyết theo giai đoạn tương ứng nhiệm kỳ hoạt động 2026-2031 - đề nghị giữ nguyên nội dung đã xây dựng tại dự thảo Nghị quyết. Lý do: đã được sự nhất trí của đồng chí Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và đại diện các Ban của HĐND tỉnh tại buổi làm việc nắm tình hình triển khai xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ngày 11/6/2026 (theo Giấy mời số 326/HĐND-CTHĐND ngày 10/6/2026 của

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh) để thuận tiện trong quá trình thực hiện và phù hợp với các tỉnh, thành phố khác đã ban hành Nghị quyết.

3. Đối với dự thảo Quy định - Điều 3 về nguyên tắc chung: Khoản 4 quy định “Nội dung và mức chi trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND quy định tổng mức chi; nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức khoán chi trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.” thể hiện nội hàm về nội dung chi và mức chi - không phải là nguyên tắc thực hiện các nội dung nhiệm vụ chi được quy định tại dự thảo này. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo phù hợp.

Nội dung này: Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết.

4. Điều 4 quy định nội dung chi và mức chi cụ thể: + Như ý kiến đối với tên dự thảo Nghị quyết. + Đề nghị rà soát các nội dung và mức chi đảm bảo tính cụ thể, phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh; đơn cử như: (i) Một số nội dung được quy định dưới dạng “...” là chưa đảm bảo tính cụ thể của quy định, đơn cử: mục 1 phần IV, mục 2 phần VI.

Nội dung này: Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa bỏ quy định dưới dạng “...” tại dự thảo Nghị quyết.

5. Tại mục V chi công tác xây dựng và ban hành văn bản - có thể được hiểu bao gồm cả văn bản hành chính và văn bản quy phạm pháp luật, đơn cử tại mục 4 có nội dung chi xây dựng báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết trình HĐND tỉnh; trong khi đó tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã quy định nội dung và mức chi trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND. Do đó, đề nghị rà soát, nghiên cứu quy định đảm bảo phù hợp, tránh trùng lặp chế độ chính sách.

Nội dung này: Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa bỏ nội dung quy định trên, bổ sung nội dung (chỉ áp dụng đối với Nghị quyết hành chính tại Mục V, phụ lục của dự thảo Nghị quyết.

6. Tại mục 2 phần VI có quy định nội dung chi “Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ mua 01 máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương”, trong khi đó tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 có quy định đối với “Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách được bảo đảm chỗ làm việc, trang thiết bị văn phòng đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước theo quy định của Chính phủ”, theo đó chế độ này đang được thực hiện theo Quyết định số 15/2025/QĐ TTg.

Nội dung này được hiểu như sau: Đại biểu HĐND chuyên trách được bảo đảm chỗ làm việc, trang thiết bị văn phòng thực hiện theo Quyết định số

15/2025/QĐ TTg. Ngoài ra được trang bị máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ tương đương để phục vụ các kỳ họp theo chế độ chính sách đặc thù của tỉnh.

7. Đề nghị làm rõ cơ sở của một số nội dung chỉ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đơn cử như mục 4 phần VI – chi hỗ trợ may 01 bộ trang phục cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp xã.

Nội dung này là chế độ hỗ trợ đặc thù của địa phương, đã được quy định tại Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Ninh.

8. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày cơ bản đảm bảo phù hợp với Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ CP7. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa:

- Phần căn cứ ban hành: Rà soát, trình bày văn bản là căn cứ ban hành phù hợp với khoản 5 phần V Mục 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ CP, đơn cử: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của căn cứ ban hành thứ 4, thứ 5.

- Trình bày số trang dự thảo văn bản phù hợp với khoản 7 phần I mục 1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Với số lượng Điều được quy định tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị nghiên cứu bố cục trình bày theo Mẫu số 17 phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính phù hợp.

- Rà soát, chỉnh sửa một số lỗi kỹ thuật trình bày, đơn cử Điều 1 dự thảo Nghị quyết, mục 1 phần VI.

Những nội dung trên Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo.

(kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được tiếp thu, chỉnh sửa)

Sở Tài chính trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- GD, PGD (Đ/c Linh);
- Lưu VT, HCSN_T. Mai.



Nguyễn Thuỳ Linh

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Sở Tài chính đã tiến hành đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các quan hệ xã hội

Hội đồng nhân dân (HĐND) là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua hoạt động tổ chức kỳ họp, khảo sát, giám sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị trong việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, Nghị quyết của HĐND ở địa phương; hoạt động tiếp công dân, tiếp xúc cử tri của các đại biểu HĐND. Để phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh cần phải có các điều kiện đảm bảo như: Hỗ trợ tiền ăn, nghỉ, nước uống,... khi tổ chức các kỳ họp, cuộc họp của HĐND; hỗ trợ nghiên cứu tài liệu, đi thực tế cơ sở xây dựng báo cáo; khi tổ chức các hoạt động giám sát, khảo sát, nhằm tiếp tục góp phần duy trì hoạt động của HĐND cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Bắc Ninh (mới) được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh (cũ). Việc rà soát các quy định, chế độ, chính sách là hết sức cần thiết, tạo sự thống nhất, phù hợp với tình mới; là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

Ngày 07/4/2026, Thường trực HĐND tỉnh ban hành Công văn số 162/HĐND-CTHĐND về đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu tham mưu xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh thay thế Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND

tỉnh Bắc Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Ngày 09/4/2026, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 3252/UBND-KTTH giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu, tham mưu xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật thay thế Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trên, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là hết sức cần thiết, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành và thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở Tài chính tiến hành đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành

2. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến quan hệ xã hội

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Bắc Ninh được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh;
- Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;
- Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI

1. Lý do cần có quy định pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

Nghị quyết quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của các tỉnh trên cả nước được xây dựng và triển khai thực hiện trong 01 nhiệm kỳ hoặc nhiều nhiệm kỳ hoạt động của HĐND tỉnh.

Từ năm 2012 đến nay trên cơ sở:

- Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

- Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND). Theo đó, tại Khoản 3 Điều 7 quy định: ***"Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật"***;

- Văn bản số 452/BCTĐB-CTĐB ngày 03/12/2012 của Ban Công tác đại biểu - Ủy ban Thường vụ Quốc hội về áp dụng định mức chi tiêu tài chính của HĐND, theo hướng dẫn: ***"Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn bản số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính để quy định mức chi tiêu của HĐND phù hợp với tình hình thực tế của địa phương"***

- Văn bản số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính về định mức chi tiêu của HĐND, theo đó: ***"Hội đồng nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được áp dụng định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành"***

Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang, nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh (cũ) ban hành Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Bắc Ninh;

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Bắc Ninh được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh. Ngày 14/7/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh (sau hợp nhất) đã ban hành Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND tỉnh về Áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính do HĐND tỉnh Bắc Giang và HĐND tỉnh Bắc Ninh (cũ) ban hành trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; theo đó, cho phép tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ban hành quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang tỉnh nhiệm kỳ 2021 -2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh mới cho đến khi có văn bản mới thay thế (thời hạn đến ngày 01/3/2027) và bãi bỏ Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Ninh (cũ).

Ngày 06/10/2025 Bộ Tư pháp ban hành Công văn số 6243/BTP-

KTVB&QLXLVPHC về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, theo đó yêu cầu các địa phương xử lý các văn bản bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/6/2026. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND khóa XVIII có hiệu lực áp dụng cho nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Vì vậy, để có cơ sở thực hiện đảm bảo điều kiện hoạt động HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh trong các nhiệm kỳ tiếp theo, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là cần thiết, đúng thẩm quyền và đảm bảo theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

2. Thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

Tại điểm L khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH 15 quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *"Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương"*;

Tại Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

"a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;".

Tại điểm d, khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật: *"Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật"*;

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nghị quyết ban hành quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được ban hành, thực hiện trong nhiều nhiệm kỳ và được áp dụng trong thực tiễn góp phần quan trọng đem lại hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Để các chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được thực hiện thống nhất, đồng bộ, kịp thời và phù hợp tổ chức bộ máy chính quyền hai cấp. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết ban hành quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là cần thiết

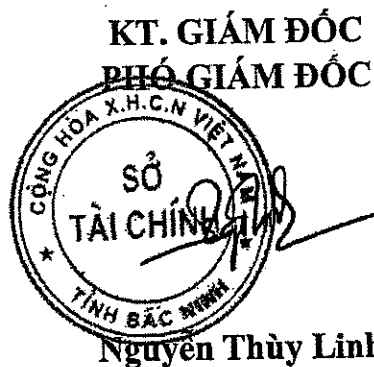
và đảm bảo theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với khả năng ngân sách tỉnh.

Trên đây là đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc sở (để b/c);
- PGĐ Nguyễn Thùy Linh;
- Lưu: VT, HCSN.



Phụ lục

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.	Dự thảo Nghị quyết đã: - Xây dựng cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất. - Phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.	Đảm bảo hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất	Cơ quan có thẩm quyền thống nhất ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Quy định một số chế độ và định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh	Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Đảm bảo hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất	Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh
	Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Đảm bảo hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất	Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh
	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,	Đảm bảo hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất	Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ

**ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH BẮC NINH
VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 6 năm 2026

Số: 174 /VP-CTHĐND

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh ban hành Quy
định một số chế độ và định mức
chi đảm bảo hoạt động của
HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh
Bắc Ninh (lần 2)

Kính gửi: Sở Tài chính.

Ngày 15/6/2026, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 4498/STC-HCSN ngày 15/6/2026 của Sở Tài chính về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (lần 2).

Căn cứ ý kiến của Lãnh HĐND tỉnh, lãnh đạo các Ban của HĐND tỉnh, lãnh đạo Văn phòng và các phòng trực thuộc; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổng hợp các ý kiến như sau:

1. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Các ý kiến cơ bản nhất trí với bố cục, kết cấu và nội dung của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu tiếp thu một số nội dung đã được đề xuất nhằm:

- Điều chỉnh, nâng mức chi đối với một số nội dung so với Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay;
- Bổ sung một số nội dung chi mới đáp ứng yêu cầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và phù hợp với thực tiễn hoạt động của HĐND các cấp;
- Xem xét bổ sung một số chính sách đặc thù đối với đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Lý do đề xuất:

Đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có vị trí, vai trò đặc biệt trong việc tham mưu, phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh. Đây là lực lượng trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu, phục vụ: tổ chức các hoạt động giám sát, khảo sát; thẩm tra các đề án, dự thảo nghị quyết; tổng hợp, phân tích thông tin phục vụ hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ, công chức Văn phòng thường xuyên phải nghiên cứu khối lượng lớn các dự thảo luật, nghị quyết, cơ chế, chính sách mới của Trung ương và địa phương; tham gia rà soát, đánh giá

tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và tính khả thi của các dự thảo văn bản; tham mưu chuẩn bị nội dung phục vụ các kỳ họp HĐND, các phiên họp của Thường trực HĐND, hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri và nhiều nhiệm vụ đột xuất khác. Yêu cầu đối với công việc này đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, tính chính xác, trách nhiệm và áp lực công việc lớn, thường xuyên phải xử lý công việc ngoài giờ hành chính để bảo đảm tiến độ, chất lượng tham mưu.

Đặc biệt, trong bối cảnh tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, khối lượng công việc tham mưu, tổng hợp, theo dõi và phục vụ hoạt động của HĐND cấp tỉnh ngày càng tăng cả về phạm vi, tính chất và yêu cầu chất lượng. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng chưa thuộc đối tượng được hưởng các cơ chế hỗ trợ đặc thù như đối với đại biểu hoạt động chuyên trách theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội, mặc dù trên thực tế là lực lượng trực tiếp tham gia, hỗ trợ và đóng góp quan trọng vào quá trình nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện chính sách và pháp luật.

Việc bổ sung chính sách hỗ trợ đặc thù đối với đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là cần thiết nhằm ghi nhận, động viên, khuyến khích lực lượng tham mưu trực tiếp cho cơ quan dân cử; góp phần nâng cao chất lượng công tác tham mưu, phục vụ, giúp việc; tạo điều kiện thu hút, giữ chân đội ngũ cán bộ có năng lực, kinh nghiệm; đồng thời bảo đảm sự tương xứng giữa trách nhiệm, khối lượng công việc và chế độ đãi ngộ. Đây cũng là giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đối với công tác xây dựng chính sách, pháp luật và quản trị địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2. Về các nội dung góp ý cụ thể

Đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu các ý kiến tham gia của Lãnh đạo HĐND tỉnh, lãnh đạo các Ban của HĐND tỉnh, lãnh đạo Văn phòng và các phòng trực thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đối với từng nội dung của dự thảo Nghị quyết.

(Chi tiết theo biểu tổng hợp ý kiến gửi kèm)

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, xem xét báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quốc Hoàn

Sở Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia tại Công văn số 174/VP-CTHĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ĐVT: Nghìn đồng

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú	Giải trình của STC
			Cấp tỉnh	Cấp xã		
I	Chi phục vụ kỳ họp HĐND					
1	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp HĐND					
-	Chủ tọa	Nghìn đồng /người/buổi	500	300	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Thư ký	Nghìn đồng /người/buổi	300	200	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/buổi	300	200	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Khách mời; Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND-UBND cấp xã, phường phục vụ trực tiếp kỳ họp; phóng viên	Nghìn đồng /người/buổi	200	100	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	Chi bồi dưỡng Đại biểu HĐND nghiên cứu tài liệu kỳ họp	Nghìn đồng /người/kỳ họp	500	300		
3	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời, cán bộ, công chức, phóng viên, nhân viên phục vụ kỳ họp; Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết năm, tổng kết nhiệm kỳ mức chi bằng 1,5 lần mức chi trên (trường hợp họp ½ ngày được tính như 01 ngày).	Nghìn đồng /người/ngày	400	300	BS thêm Nội dung	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
4	Chi bồi dưỡng đại biểu trung ương nghiên cứu tài liệu tại kỳ họp	Nghìn đồng /người/kỳ họp	1.000		Bổ sung mới	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
5	Chế độ phòng nghỉ cho đại biểu HĐND tỉnh, khách mời	Thực hiện theo Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025			BS	STC đang xây dựng dự thảo NQ trình HĐND tỉnh tháng 7/2026 ban hành mức chi cụ thể theo TT 12/2025/TT-BTC. Do vậy đề nghị giữ nguyên nội dung thực hiện theo NQ của HĐND tỉnh
6	Nước uống tại kỳ họp, hội nghị, hội thảo và các hội nghị khác của HĐND	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành			BS thêm	

II	Chi phục vụ các phiên họp của Thường trực HĐND; họp thẩm tra của các Ban HĐND; thẩm định của Đảng ủy HĐND; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh; họp tham vấn ý kiến nhân dân					
-	Chủ trì	Nghìn đồng /người/buổi	300	200		
-	Thư ký, đại biểu mời dự họp, khách mời; cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND phục vụ trực tiếp cuộc họp.	Nghìn đồng /người/buổi	200	150	BS thêm đối tượng	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND-UBND xã, phường phục vụ trực tiếp cuộc họp; phóng viên đưa tin	Nghìn đồng /người/buổi	100	100		
III	Chi hoạt động giám sát, khảo sát					
1	Chi xây dựng văn bản					
a	Xây dựng văn bản phục vụ hoạt động giám sát					
-	Xây dựng kế hoạch, quyết định của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000	BS thêm, và nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng đề cương giám sát	Nghìn đồng /văn bản	3.000	1.500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát	Nghìn đồng /văn bản	3.000	1.500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung	Nghìn đồng /văn bản	4.000	2.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
b	Xây dựng văn bản phục vụ hoạt động khảo sát chuyên đề					
-	Xây dựng đề cương khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	3.000	1.500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	3.000	1.500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát					
-	Trưởng đoàn, phó đoàn khảo sát, giám sát	Nghìn đồng /người/buổi	300	200	BS thêm và nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Thành viên đoàn khảo sát, giám sát;	Nghìn đồng	200	150	Nâng	Đã tiếp thu và

	thành phần mời tham gia Đoàn; chuyên viên giúp việc; Phóng viên	/người/buổi			mức	chính sửa
-	Lái xe, nhân viên phục vụ	Nghìn đồng /người/buổi	100	100		
3	Chi thuê chuyên gia góp ý phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát, thăm tra: (đối với cuộc giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND do Chủ tịch HĐND quyết định; đối với cuộc giám sát, khảo sát, thăm tra của các Ban do Trưởng Ban của HĐND quyết định).	Nghìn đồng Người/văn bản	1.500	1.000	BS làm rõ thêm nội dung	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
IV	Chi phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri					
1	Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND					
-	Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri: Trang trí khánh tiết, nước uống...	Nghìn đồng /điểm/lần	3.000	2.000		
-	Hỗ trợ thăm hỏi các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nơi tiếp xúc cử tri	Nghìn đồng /điểm/lần	2.000	1.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	Chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri					
-	Đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/năm	5.000	3.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Khoản chi TXCT đối với CB, CC, người lao động Văn Phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, Văn phòng HĐND-UBND cấp xã phục vụ TXCT của đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/đợt	500	300	Bổ sung mới	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Đại diện chính quyền, tổ chức, đoàn thể; cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND-UBND cấp xã; phóng viên được phân công dự, đưa tin hội nghị	Nghìn đồng /người/buổi	200	150	Nâng mức	Bỏ đối tượng: cán bộ, công chức Văn phòng
-	Lái xe, nhân viên phục vụ	Nghìn đồng /người/buổi	150	100		
3	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri của các Tổ đại biểu	Nghìn đồng /báo cáo	1.000	500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
4	Xây dựng kế hoạch TXCT chung của Thường trực HĐND	Nghìn đồng /văn bản	1.000	500	Bổ sung mới	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
5	Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân qua đường dây nóng tại kỳ họp thường lệ HĐND	Nghìn đồng /văn bản	500	Do TT.HĐND cấp xã quyết định	Bổ sung mới	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

V	Chi công tác xây dựng và ban hành văn bản					
1	Xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND					
-	Xây dựng, soạn thảo Tờ trình, dự thảo nghị quyết của Thường trực HĐND trình kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /Tờ trình, Nghị quyết	3.000	1.500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng chương trình điều hành kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000		
-	Xây dựng kịch bản điều hành chất vấn và trả lời chất vấn	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng báo cáo tập hợp ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Tổ và thảo luận tại hội trường	Nghìn đồng /báo cáo	1.500	1.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận chung của đại biểu HĐND trình kỳ họp	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.500		
-	Xây dựng báo cáo tóm tắt kỳ họp phục vụ đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.500		
-	Tổng hợp các ý kiến chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND.	Nghìn đồng /văn bản	1.000	500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi đã được HĐND thông qua tại kỳ họp	200.000 đồng/01 trang A4	Tối đa không quá 2.000/ng nghị quyết	Tối đa không quá 1.000/ nghị quyết		
-	Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND định kỳ trình kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	3.000	1.500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND (05 năm) của Thường trực HĐND; các Ban của HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	3.000	2.000		
-	Xây dựng biên bản tóm tắt kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Xây dựng báo cáo thẩm định của Đảng ủy HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	3.000		Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	Xây dựng thông báo, kết luận phiên họp của Thường trực HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
3	Xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh; báo cáo thẩm tra các nội dung phát sinh giữa 2 kỳ họp do UBND tỉnh trình TT. HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	3.000	2.000	Bổ sung thêm nội dung	
4	Hỗ trợ các bàn thảo luận tại Hội trường các kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /bàn	2.000	1.000	Bổ sung mới	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

5	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành	Nghìn đồng /báo cáo	1.500	1.000		
6	Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri của Thường trực HĐND trình HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.000		
7	Chi hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân					
a)	Hoạt động điều tra xã hội học					
-	Lập mẫu phiếu điều tra	Nghìn đồng /mẫu phiếu	800	500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Chi trả thù lao người cung cấp thông tin	Nghìn đồng /mẫu phiếu	50	30		
-	Chi trả thù lao người đi điều tra	Nghìn đồng /mẫu phiếu	20	10		
b)	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham vấn	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
8	Mức chi viết bài phản biện, tham gia ý kiến, đánh giá tác động của văn bản mới theo yêu cầu của Thường trực HĐND	Nghìn đồng/bài	1.000	700		
9	Hỗ trợ cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND kinh phí xây dựng các nghị quyết của HĐND	Mức chi do TT HĐND tỉnh quyết định	tối đa không quá 500.000 đồng/ng nghị quyết	tối đa không quá 300.000 đồng/ nghị quyết	Bổ sung rõ thêm ND	
10	Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo	Nghìn đồng /báo cáo	1.500	1.000		
VI	Một số chế độ hỗ trợ điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND					
1	Hoạt động phí đại biểu HĐND	Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của UB Thường vụ Quốc hội				
2	Chế độ của đại biểu HĐND trong 01 nhiệm kỳ					
-	Đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền may 02 bộ trang phục	Nghìn đồng/bộ	8.000	5.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ mua 01 máy vi tính xách tay hoặc ipad hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	Nghìn đồng/chiếc	20.000 (Theo ĐA số 10-ĐA/TU)	Do địa phương quyết định	BS thêm nội dung và nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

-	Được cấp đầu nhiệm kỳ một số dụng cụ để phục vụ hoạt động đại biểu HĐND (cấp da, sổ ghi chép, phù hiệu,...)	Nghìn đồng /người	3.000	1.500	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Đại biểu HĐND tỉnh được cấp Báo đại biểu Nhân dân; TT. HĐND cấp xã		TT.HĐND quyết định		Bổ sung mới	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Đại biểu HĐND được chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng	Nghìn đồng /người/năm	8.000	5.000	Nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Đại biểu HĐND được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND (chi bằng tiền mặt hoặc hiện vật)	Nghìn đồng /người	3.000	Do TT HĐND cấp xã quyết định	BS rõ ND và nâng mức	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
3	Hỗ trợ văn phòng phẩm; phí khai thác internet; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu					
-	Đại biểu chuyên trách	Nghìn đồng /người/tháng	1.000	700		
-	Đại biểu kiêm nhiệm	Nghìn đồng /người/tháng	500	300		
-	CB, CC, người lao động trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND được hỗ trợ như đại biểu kiêm nhiệm	Nghìn đồng /người/tháng	500		BS mới	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
4	Hỗ trợ CB, CC Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND					
-	Được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ đối với CB, CC, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND	Nghìn đồng /người/lần	2.000		BS mới	Tiếp thu đối tượng là Lãnh đạo và Chuyên viên VP phục vụ, tham mưu trực tiếp hoạt động của HĐND
-	Hỗ trợ máy tính bảng hoặc máy tính xách tay đối với CB, CC, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND	Nghìn đồng /người	20.000		BS mới	Kế thừa nội dung quy định tại ĐA số 10-ĐA/TU: "Lãnh đạo và chuyên viên VP tham mưu và phục vụ hoạt động HĐND; ko tiếp thu đối với đối tượng khác
-	Hỗ trợ kinh phí khai thác, tra cứu tài liệu, nghiên cứu tài liệu cho CB, CC phục vụ trực tiếp hoạt động HĐND	Nghìn đồng /người/tháng	500		BS mới	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
-	Hỗ trợ may 01 bộ trang phục cho	Nghìn đồng	8.000		Nâng	Đã tiếp thu và

	CB, CC phục vụ trực tiếp hoạt động HĐND.	/người/ Nhiệm kỳ			mức	chính sửa
5	Hỗ trợ Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND và thành viên các Ban của HĐND tỉnh	Nghìn đồng /người/ tháng	400		BS mới	Ko tiếp thu do đã hỗ trợ chung nhiệm vụ của Ban 200tr/năm; Tổ ĐB 30tr/năm. Bên cạnh đó, các Tổ trưởng, các thành viên Ban của HĐND sẽ có đ/c là ĐB chuyên trách và đã được hưởng 1 lần lương theo NQ 197. Do vậy ko có cơ sở để quy định ND này
6	Hỗ trợ CB, CC, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND phục vụ trực tiếp hoạt động HĐND	Nghìn đồng /người/ tháng	2.500 – 3.000		BS mới	Ko tiếp thu ND này để do Lãnh đạo và CV Văn phòng đã được hỗ trợ các chế độ như ĐB HĐND, bên cạnh đó việc hỗ trợ theo tháng đối với CBCC làm nhiệm vụ chuyên môn tại VP sẽ tạo đk không công bằng đối với các CBCC làm nhiệm vụ tại VPTU, VPUB và các cơ quan chuyên môn khác
VII	Chi hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh					
1	Hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND (đối nội, đối ngoại, chi khác...)	Nghìn đồng/năm	200.000	Không quá 70% của cấp tỉnh	Quy định trực tiếp cho cấp xã	
2	Hỗ trợ hoạt động các Tổ đại biểu HĐND	Nghìn đồng/năm	30.000	Không quá 70% của cấp tỉnh	Quy định trực tiếp cho cấp xã	

VIII	Chi cho công tác xã hội					
1	Chế độ tặng quà cho đối tượng, gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác do thường trực HĐND quyết định	Nghìn đồng/năm	200.000	Do TT HĐND cấp xã quyết định		
2	Chế độ thăm hỏi ốm đau đối với đại biểu HĐND và CB, CC, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh				BS thêm ND	Ko tiếp thu do chế độ thăm hỏi ốm đau của CBCC cơ quan VP sử dụng từ Quỹ phúc lợi tập thể nguồn KP chi tự chủ của đơn vị để đảm bảo đúng quy định và công bằng với các cơ quan khác
-	Khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/người/năm)	Nghìn đồng /người/lần	2.000	1.000		
-	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì được chi trợ cấp 1 lần	Nghìn đồng /người/lần	5.000	2.000		
3	Chi thăm viếng					
-	Đại biểu HĐND đương nhiệm từ trần được phúng viếng, vòng hoa thanh toán theo thực tế.	Nghìn đồng/lần	3.000	2.000	BS làm rõ hơn	
-	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con đẻ; con nuôi hợp pháp của đại biểu HĐND đương nhiệm, vòng hoa thanh toán theo thực tế.	Nghìn đồng/lần	2.000	1.000	BS làm rõ hơn	
-	Đối với CB, CC, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thực hiện như đại biểu HĐND đương nhiệm				BS mới	Ko tiếp thu do chế độ thăm hỏi ốm đau của CBCC cơ quan VP sử dụng từ Quỹ phúc lợi tập thể nguồn KP chi tự chủ của đơn vị để đảm bảo đúng quy định và công bằng với các cơ quan khác

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 162 /HĐND-CTHĐND

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 4 năm 2026

V/v đề nghị xây dựng nghị
quyết quy phạm pháp luật của
HĐND tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Để kịp thời ban hành các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2026 - 2031 đảm bảo đúng quy định của pháp luật, sát với tình hình thực tế của địa phương, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Trên cơ sở đề xuất của Ban Kinh tế - Ngân sách tại Công văn số 155/HĐND-CTHĐND ngày 03/4/2026; ý kiến của các thành viên; Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu tham mưu xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật thay thế Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đang được áp dụng tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh Bắc Ninh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH&HĐND;
- Lưu: VT, CTHĐNDP.Yến.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Thị Hương Thành

[illegible]

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2021/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số định mức chi tiêu tài chính
phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 3 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội Khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND;

Xét Tờ trình số 362/TTr-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Giao Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 8 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND tỉnh Bắc Giang, khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021./.

Nơi nhận: Lưu

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ Pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin Đại biểu dân cử Bắc Giang;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.
- Lưu: VT, CTHĐND.

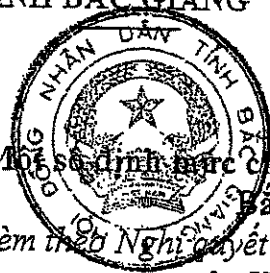


CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND tỉnh
Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định một số định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND), Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND; cán bộ, công chức, người lao động cơ quan tham mưu giúp việc HĐND; công chức các cơ quan, ban, ngành được trưng tập phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND được trích từ nguồn dự toán kinh phí hoạt động của HĐND hàng năm đảm bảo đúng định mức, đối tượng quy định tại Nghị quyết này. Các chế độ chi tiêu tài chính không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc quản lý và sử dụng kinh phí phải đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức chi hỗ trợ hoạt động phục vụ kỳ họp, cuộc họp

1. Kỳ họp HĐND tỉnh

- Chủ tọa và điều hành kỳ họp: 500.000 đồng/người/ngày.
- Thư ký kỳ họp: 200.000 đồng/người/ngày.
- Đại biểu HĐND tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.

d) Khách mời tham dự kỳ họp; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và người được trưng tập để phục vụ kỳ họp: 150.000 đồng/người/ngày.

đ) Hỗ trợ tiền ăn (người không ăn được thanh toán bằng tiền mặt): 250.000 đồng/ngày/người.

e) Chế độ phòng nghỉ, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Hợp thẩm tra của các Ban HĐND; thẩm định của Đảng đoàn HĐND; phiên họp thường kỳ của Thường trực HĐND tỉnh; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh; tham vấn ý kiến nhân dân.

a) Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi;

b) Thư ký, đại biểu mời dự họp, phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/người/buổi;

c) Công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phục vụ cuộc họp: 70.000 đồng/người/buổi.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát

1. Mức chi xây dựng văn bản phục vụ giám sát, khảo sát

a) Chi xây dựng văn bản giám sát

- Xây dựng kế hoạch, đề cương giám sát: 2.000.000 đồng/văn bản;

- Xây dựng báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung: 3.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng văn bản phục vụ khảo sát chuyên đề

- Xây dựng đề cương khảo sát: 1.000.000 đồng/văn bản;

- Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát: 2.000.000 đồng/báo cáo.

2. Chi hội nghị, cuộc họp

a) Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát, khảo sát: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên đoàn giám sát, khảo sát; đại biểu mời dự; thành viên Tổ giúp việc; phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Lái xe phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát: 70.000 đồng/người/buổi.

Điều 6. Mức chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ tiền trang trí khánh tiết, tiền nước uống tại các điểm tiếp xúc cử tri: 1.000.000 đồng/1 điểm/lần.

2. Mức chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri:

a) Đại biểu HĐND tỉnh: 200.000 đồng/buổi.

b) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phục vụ tiếp xúc cử tri và phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/buổi.

Điều 7. Mức chi hỗ trợ công tác xây dựng và ban hành văn bản

1. Mức chi xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh

a) Soạn thảo dự thảo nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/ngợi quyết.

- b) Xây dựng chương trình điều hành kỳ họp HĐND: 2.000.000 đồng/văn bản.
 - c) Mức chi tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp
 - Xây dựng báo cáo tập hợp ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Tổ và thảo luận tại hội trường: 500.000 đồng/báo cáo.
 - Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận chung của đại biểu HĐND tỉnh trình kỳ họp: 2.000.000 đồng/báo cáo.
 - d) Xây dựng báo cáo tóm tắt kỳ họp phục vụ đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri: 2.000.000 đồng/báo cáo.
 - đ) Tổng hợp các ý kiến chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND; gõ băng, file âm thanh; soạn thảo văn bản tổng hợp yêu cầu thực hiện các giải pháp nêu trong nội dung trả lời chất vấn: 300.000 đồng/văn bản.
 - e) Rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi đã được HĐND thông qua tại kỳ họp: 200.000 đồng/01 trang khổ giấy A4 nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/ng nghị quyết.
 - f) Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND định kỳ trình kỳ họp HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.
 - g) Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND (05 năm) của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh : 2.000.000 đồng/báo cáo.
 - h) Xây dựng biên bản tóm tắt kỳ họp HĐND tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản.
 - i) Xây dựng báo cáo thẩm định của Đảng đoàn HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.
2. Mức chi hỗ trợ xây dựng thông báo, kết luận phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản.
 3. Mức chi soạn thảo báo cáo thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.
 4. Mức chi xây dựng báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết trình HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.
 5. Mức chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành: 800.000 đồng/báo cáo.
 6. Mức chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri: 1.000.000 đồng/báo cáo.
 7. Mức chi hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân
 - a) Hoạt động điều tra xã hội học
 - Lập mẫu phiếu điều tra: 500.000 đồng/mẫu phiếu;
 - Chi trả thù lao người cung cấp thông tin: 30.000 đồng/phiếu;
 - Chi trả thù lao người đi điều tra: 10.000 đồng/phiếu.
 - b) Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham vấn: 1.000.000 đồng/báo cáo.
 8. Mức chi viết bài phản biện, tham gia ý kiến, đánh giá tác động của văn bản mới theo yêu cầu của Thường trực HĐND: tùy theo nội dung và tính cấp thiết Thường trực HĐND quyết định mức chi tối đa không quá 1.000.000 đồng/bài.

9. Hỗ trợ cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh kinh phí xây dựng các nghị quyết của HĐND: Mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định, nhưng tối đa không quá 400.000 đồng/ng nghị quyết.

Điều 8. Mức hỗ trợ và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh

Ngoài việc được hưởng mức hoạt động phí theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các đại biểu HĐND tỉnh được hưởng các chế độ hỗ trợ sau:

1. Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026 của HĐND tỉnh:

- Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ tiền may 02 bộ trang phục, mức chi: 5.000.000 đồng/bộ.

- Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ 10.000.000 đồng để mua 01 máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng.

- Được cấp lần đầu một số dụng cụ để phục vụ hoạt động đại biểu HĐND tỉnh (cặp da, sổ ghi chép, phù hiệu,...), mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp.

- Được chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng, mức chi tối đa 5.000.000 đồng/đại biểu/năm, giao Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện.

- Tặng quà lưu niệm: Đại biểu HĐND tỉnh được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND: Mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp.

2. Hỗ trợ văn phòng phẩm; phí khai thác internet; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu:

- Đại biểu chuyên trách: 1.000.000 đồng/tháng;

- Đại biểu kiêm nhiệm: 500.000 đồng/tháng.

3. Hỗ trợ may trang phục cho cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh 01 bộ, trị giá: 5.000.000 đồng/nhiệm kỳ.

Điều 9. Mức chi hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh

a) Ngoài các nội dung chi theo quy định, chi hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND tỉnh (đối nội, đối ngoại, chi khác): 150.000.000 đồng/năm.

b) Hỗ trợ hoạt động các Tổ đại biểu HĐND tỉnh: 20.000.000 đồng/năm.

Điều 10. Mức chi thăm hỏi, ốm đau, khó khăn đột xuất và việc tang

1. Đại biểu HĐND tỉnh khi bị ốm đau được chi tiền thăm hỏi: 1.000.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì mức chi trợ cấp một lần tối đa không quá 5.000.000 đồng, chi không quá 2 lần/người/năm.

2. Mức chi viếng đại biểu HĐND tỉnh từ trần: 2.000.000 đồng/người.

3. Mức chi viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con đại biểu HĐND tỉnh từ trần: 1.500.000 đồng/người.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các mức chi quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho HĐND cấp tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm định mức chi tiêu nêu trong Quy định này.

Hàng năm, căn cứ quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, định mức chi tiêu tài chính được quy định tại Nghị quyết này và nhiệm vụ được giao, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh gửi cơ quan tài chính để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

2. HĐND các huyện, thành phố căn cứ Quy định này, ban hành nghị quyết quy định cụ thể định mức chi tiêu của HĐND cấp mình và cấp xã theo nguyên tắc:

a) Mức chi đối với HĐND các huyện, thành phố không quá 70% mức chi của HĐND cấp tỉnh.

b) Mức chi đối với HĐND các xã, phường, thị trấn không quá 70% mức chi của HĐND cấp huyện, thành phố.

3. Kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND cấp huyện, xã do ngân sách cấp huyện, xã đảm bảo theo quy định.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh và Thường trực HĐND các huyện, thành phố phản ánh về Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp gần nhất.

2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thuộc Văn phòng thường xuyên rà soát nội dung và định mức chi của Quy định này; tiếp nhận phản ánh của các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh và Thường trực HĐND các huyện, thành phố, kịp thời báo cáo và đề xuất Thường trực HĐND tỉnh biện pháp giải quyết./.

Nghị quyết số: 1206/2016/NQ-UBTVQH13

NGHỊ QUYẾT
QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN
BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 112/TTr-CP ngày 21 tháng 4 năm 2016 và Báo cáo thẩm tra số 3365/BC-UBTCNS13 ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban Tài chính – Ngân sách của Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện); xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, bao gồm: Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Về tiền lương

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách là cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước thuộc đối tượng áp dụng của Luật Cán bộ, công

chức được trả lương, phụ cấp và các chế độ khác từ ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội và quy định khác của pháp luật;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách đang làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 103 của Luật tổ chức chính quyền địa phương;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân:

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 0,10 mức lương cơ sở/ngày;

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 0,12 mức lương cơ sở/ngày;

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 0,14 mức lương cơ sở/ngày;

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân là ngày tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Về hoạt động phí

Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Hệ số 0,3 mức lương cơ sở;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Hệ số 0,4 mức lương cơ sở;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Hệ số 0,5 mức lương cơ sở;

3. Các chế độ, chính sách khác

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 4. Các điều kiện bảo đảm hoạt động

Ngoài các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật tổ chức chính quyền địa phương, đại biểu Hội đồng nhân dân được bảo đảm hoạt động như sau:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách được bảo đảm chỗ làm việc, trang thiết bị văn phòng đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước theo quy định của Chính phủ.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Việc cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Các khoản chi (bao gồm các chế độ, chính sách được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này) do ngân sách nhà nước bảo đảm đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của Hội đồng nhân dân cấp đó.

2. Các khoản chi tiền lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách khác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách không do ngân sách bảo đảm thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc chi trả.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Nghị quyết này thay thế quy định tại Điều 75 và Điều 77 Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính—Ngân sách, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ giám sát thực hiện Nghị quyết này.

2. Chính phủ quy định mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tại Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật./.

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2016

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Ngân

UBND TỈNH BẮC GIANG
VĂN PHÒNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 279 /SY

Bắc Giang, ngày 24 tháng 5 năm 2016

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng TU, Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKT, TH;
- + Lưu: VT, KT. HAI

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đức Đăng